

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN: ĐỊA LÍ LỚP 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

T T	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Mức độ kiến thức/ kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	A. Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ	A. Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được vị trí địa lí nước ta. - Nêu được giới hạn phạm vi lãnh thổ Việt Nam. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đối với tự nhiên, kinh tế – xã hội và quốc phòng. 	1	1	0	0
2	B. Đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam	B.1. Đất nước nhiều đồi núi	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các đặc điểm chung của địa hình nước ta. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được đặc điểm của các khu vực địa hình. 	1	1	0	0
		B.2. Thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các đặc điểm chung của biển Đông. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được ảnh hưởng của biển Đông đến thiên nhiên nước ta. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được ảnh hưởng của các thiên tai vùng biển đến phát triển kinh tế - xã hội. 	1	1	0	0
		B.3. Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được vì sao thiên nhiên nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được ảnh hưởng của các thành phần tự nhiên đến các hoạt động đời sống và sản xuất. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được vì sao hoạt động của gió mùa dẫn đến sự phân chia mùa của khí hậu nước ta. 	2	2	3	2

T T	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Mức độ kiến thức/ kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
		B.4. Thiên nhiên phân hóa đa dạng	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được biểu hiện sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên Việt Nam. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được nguyên nhân sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên Việt Nam. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được đặc điểm của cảnh quan ba miền tự nhiên ở nước ta. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được đặc điểm cảnh quan ba miền tự nhiên ở nước ta. 	2	1	2	1
3	C. Vấn đề sử dụng và bảo vệ tự nhiên	C.1. Sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được sự suy thoái tài nguyên rừng, đa dạng sinh học, đất. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích nguyên nhân dẫn đến sự suy giảm, cạn kiệt tài nguyên. 	1	1	0	0
		C.2. Bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được chiến lược, chính sách về tài nguyên, môi trường. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các nguyên nhân gây thiên tai và ô nhiễm môi trường ở nước ta. - Trình bày được một số tác động tiêu cực do thiên nhiên gây ra đã phá hoại sản xuất, gây thiệt hại về người và của. 	1	1	0	0
4	D. Kỹ năng	D. Đọc bản đồ, Atlas Địa lí Việt Nam; làm việc với bảng số liệu, biểu đồ	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc được các bản đồ, Atlas Địa lí Việt Nam với nội dung: địa hình, khí hậu, sông ngòi, đất đai, thực động vật. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh được các đối tượng địa lí trên bản đồ, Atlas Địa lí Việt Nam: quy mô, cơ cấu, đặc điểm. Đọc biểu đồ, xử lí, phân tích số liệu thống kê. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc biểu đồ, xử lí, phân tích và giải thích được số liệu về tự nhiên Việt Nam. 	3	1	1	0
Tổng				12	9	6	3

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Mức độ kiến thức/ kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
Tỉ lệ % từng mức độ nhận thức			40%	30%	20%	10%	
Tỉ lệ chung			100%				

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I- NH 2022 - 2023
MÔN: ĐỊA LÍ LỚP 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức				Tổng	% tổng điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Số CH	
			Số CH	Số CH	Số CH	Số CH	TN	
1	A. Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ	A. Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ	1	1	0	0	2	6,66
2	B. Đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam	B.1. Đất nước nhiều đồi núi	1	1	0	0	2	6,66
		B.2. Thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển	1	1	0	0	2	6,66
		B.3. Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa	2	2	3	2	9	30
		B.4. Thiên nhiên phân hóa đa dạng	2	1	2	1	6	20
3	C. Vấn đề sử dụng và bảo vệ tự nhiên	C.1. Sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên	1	1	0	0	2	6,66
		C.2. Bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai	1	1	0	0	2	6,66

3	D. Kỹ năng	D. Đọc bản đồ, Atlas Địa lí Việt Nam; làm việc với bảng số liệu, biểu đồ.	3	1	1	0	5	16,66
Tổng			12	9	6	3	30	10
Tỉ lệ %			40	30	20	10	100	100
Tỉ lệ chung			100					

SỞ GD&ĐT KON TUM
TRƯỜNG THPT DUY TÂN

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I - NĂM HỌC 2022-2023

Môn: Địa lí, Lớp 12
Thời gian làm bài: 45 phút,
không tính thời gian phát đề

Họ và tên học sinh:
Mã số học sinh:

ĐỀ ĐỀ NGHỊ : ...

Câu 1: Vùng nào được xem như bộ phận lãnh thổ trên đất liền nước ta?

- A. Lãnh hải. B. Nội thủy. C. Tiếp giáp Lãnh hải. D. Thềm lục địa.

Câu 2: Tự nhiên nước ta phân hóa đa dạng và hình thành các vùng tự nhiên khác nhau chủ yếu do

- A. vị trí địa lí và dòng biển. B. khí hậu và sông ngòi.
C. khí hậu có hai mùa. D. vị trí địa lí và hình thể.

Câu 3: Địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích nước ta nhưng chủ yếu là

- A. núi trung bình. B. núi cao. C. đồi núi thấp. D. núi cao thấp xen kẽ.

Câu 4: Đồng bằng ven biển miền Trung được hình thành chủ yếu do phù sa biển, nên đất đai ở đây thường

- A. rất giàu phù sa, cây cối xanh tươi tốt quanh năm.
B. bị xói mòn, rửa trôi mạnh trong điều kiện mưa nhiều.
C. bồi đắp ở chân núi, nhận nhiều cát sỏi trôi xuống.
D. nghèo dinh dưỡng, nhiều cát, ít phù sa sông

Câu 5: Biển Đông là vùng biển

- A. kín ở phía đông và đông nam. B. lớn nhất của Thái Bình Dương.
C. có nhiệt độ rất cao, nhiều sinh vật. D. nằm trong vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.

Câu 6: Phát biểu nào dưới đây **không** đúng khi nói về ảnh hưởng của Biển Đông đến địa hình vùng ven biển nước ta?

- A. Mang lại lượng mưa, ẩm lớn. B. Có nhiều đảo ven bờ, rạn san hô.
C. Địa hình ven biển đa dạng. D. Có nhiều vịnh, đầm phá, cồn cát.

Câu 8: Đặc điểm của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa nước ta là do

- A. ảnh hưởng của các luồng gió thổi theo mùa
B. sự phân hóa phức tạp của địa hình.
C. ảnh hưởng của Biển Đông với bức chắn địa hình.
D. vị trí địa lý và hình dạng lãnh thổ quy định

Câu 9: Nguyên nhân chủ yếu gây mưa vào mùa hạ cho nước ta?

- A. Tín phong bán cầu Bắc, gió mùa. B. Gió Tây Nam, dải hội tụ nhiệt đới.
C. Gió Đông Bắc, dải hội tụ nhiệt đới. D. Gió Tây Nam, Gió Đông Bắc

Câu 10: Loại gió hoạt động chủ yếu từ tháng 5 đến tháng 10 ở phần lãnh thổ phía Nam nước ta là

A. gió mùa Đông Bắc. B. Tín phong bán cầu Bắc. C. gió mùa mùa hạ. D. gió mùa mùa đông

Câu 11: Gió phơn Tây Nam thổi ở vùng đồng bằng ven biển Trung Bộ vào đầu mùa hạ có nguồn gốc từ:

A. Gió Tín phong Nam Bán Cầu.

B. Gió mùa Đông Bắc bị biến tính.

C. Gió mùa Tây Nam xuất phát từ Bắc Ấn Độ Dương.

D. Gió mùa Tây Nam xuất phát từ dải cao áp chí tuyến bán cầu Nam.

Câu 12: Mùa mưa ở miền Nam dài hơn miền Bắc là do

A. miền Nam có vị trí gần xích đạo hơn.

B. miền Nam có hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh.

C. hoạt động dải hội tụ nhiệt đới chậm dần từ bắc vào nam.

D. hoạt động của gió mùa Tây Nam ở phía Nam.

Câu 13: Gió mùa đông bắc xuất phát từ

A. biển Đông. B. Ấn Độ Dương. C. áp cao Xibia. D. vùng núi cao.

Câu 14: Quá trình feralit hóa là quá trình hình thành đất đặc trưng cho vùng khí hậu

A. cận nhiệt lục địa. B. nhiệt đới ẩm. C. ôn đới hải dương. D. cận cực lục địa.

Câu 15: Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho sông ngòi nước ta có tổng lượng nước lớn?

A. Diện tích rừng tăng lên và lượng mưa rất lớn.

B. Nhiều nơi lớp phủ thực vật ít, lượng mưa lớn.

C. Lượng mưa lớn và địa hình chủ yếu là đồi núi thấp.

D. Lượng mưa lớn và nguồn nước bên ngoài lãnh thổ.

Câu 16: Đặc điểm địa hình có ý nghĩa lớn trong việc bảo toàn tính nhiệt đới ẩm gió mùa của thiên nhiên nước ta là

A. đồi núi chiếm phần lớn diện tích và chủ yếu là núi cao.

B. đồng bằng chiếm 1/4 diện tích nằm chủ yếu ở ven biển.

C. đồi núi chiếm phần lớn diện tích nhưng chủ yếu là đồi núi thấp.

D. các dãy núi chạy theo hướng tây bắc - đông nam và vòng cung.

Câu 17: Thành phần loài chiếm ưu thế ở phần lãnh thổ phía Nam nước ta là

A. cây lá kim và thú có lông dày. B. cây chịu hạn, rụng lá theo mùa.

C. động thực vật cận nhiệt đới. D. động thực vật nhiệt đới và xích đạo

Câu 18: Thiên nhiên giữa hai khu vực Đông Trường Sơn và Tây Nguyên có sự phân hóa chủ yếu do

A. tác động của gió mùa và hướng các dãy núi. B. độ cao địa hình và ảnh hưởng của biển.

C. ảnh hưởng của biển và lớp phủ thực vật. D. độ cao địa hình và hướng các dãy núi.

Câu 19: Thiên nhiên vùng núi Tây Bắc khác vùng núi Đông Bắc là

A. mùa đông bớt lạnh do gió mùa Đông Bắc đến sớm. B. mùa đông lạnh do mưa nhiều.

C. mùa đông lạnh đến sớm hơn ở vùng núi thấp.

D. mùa đông lạnh do độ cao địa hình.

Câu 20: Khí hậu của Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ khác với Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là

A. mùa mưa chậm hơn. B. mùa mưa sớm hơn.

C. có khí hậu cận Xích đạo. D. có mùa mưa và khô rõ rệt.

Câu 21: Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự phân hóa lượng mưa theo không gian ở nước ta là do

A. sự phân hóa theo độ cao địa hình và sông ngòi. B. tác động của hướng các dãy núi và thực vật.

C. tác động mạnh mẽ của gió mùa và dòng biển. D. tác động kết hợp của gió mùa và địa hình.

Câu 22: Khí hậu mát mẻ, độ ẩm tăng cùng với đất feralit có mùn của đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở nước ta đã tạo thuận lợi cho

A. các loài sinh vật từ phương Nam di cư lên. B. rừng cận xích đạo lá rộng phát triển mạnh.

C. quá trình feralit diễn ra với cường độ mạnh. D. rừng cận nhiệt lá rộng và lá kim phát triển.

Câu 23: Diện tích rừng hiện nay có tăng, nhưng hiện tại phần lớn rừng ở nước ta là

- A. rừng giàu. B. rừng trung bình. C. rừng nghèo. D. rừng non, rừng mới trồng.

Câu 24: Tính đa dạng sinh học của sinh vật biểu hiện ở

- A. số lượng thành phần loài, các kiểu hệ sinh thái và các nguồn gen quý.
 B. số lượng thành phần loài, chất lượng hệ sinh thái và các nguồn gen quý.
 C. giàu thành phần loài, chất lượng hệ sinh thái và các nguồn gen quý.
 D. thành phần loài có tính đa dạng, chất lượng và nhiều kiểu gen quý.

Câu 25: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, các hệ thống sông có diện tích lưu vực lớn nhất là

- A. sông Hồng, sông Đồng Nai, sông Đà Rằng. B. sông Trà Khúc, sông Cả, sông Đồng Nai
 C. sông Cả, sông Trà Khúc, sông Mê Kông. D. sông Hồng, sông Mê Kông, sông Đồng Nai

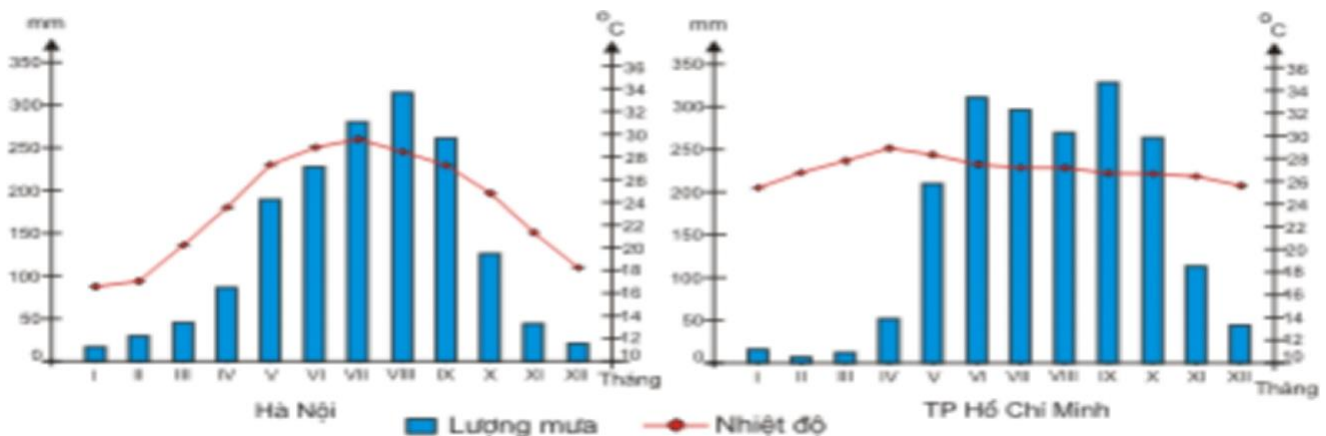
Câu 26: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, cho biết nhóm đất có diện tích lớn nhất nước ta?

- A. Đất phù sa. B. Đất feralit có mùn C. Đất feralit. D. Đất feralit trên các loại đá khác

Câu 27: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết lưu lượng nước thấp nhất của sông Mê Công (Cửu Long) vào thời gian nào sau đây (theo số liệu đo được ở trạm Mỹ Thuận và trạm Cần Thơ)?

- A. Tháng III đến tháng IV. B. Tháng I đến tháng III.
 C. Tháng X đến tháng XII. D. Tháng V đến tháng X.

Câu 28: Cho biểu đồ



Biểu đồ thể hiện nhiệt độ và lượng mưa ở Hà Nội và TP.Hồ Chí Minh

Căn cứ vào biểu đồ, nhận xét nào sau **không** đúng?

- A. Hà Nội có nhiệt độ trung bình năm thấp hơn TP.Hồ Chí Minh
 B. Biên độ nhiệt Hà Nội lớn hơn TP.Hồ Chí Minh
 C. Càng về phía Nam nhiệt độ trung bình năm càng lớn
D. Hà Nội và TP.Hồ Chí Minh có lượng mưa lớn và chế độ nhiệt giống nhau

Câu 29: Cho bảng số liệu: lượng mưa, lượng bốc hơi và cân bằng ẩm một số địa điểm

Địa điểm	Lượng mưa(mm)	Lượng bốc hơi(mm)	Cân bằng ẩm(mm)
Hà Nội	1676	989	+687
Huế	2868	1000	+1868
TP Hồ Chí Minh	1931	1686	+245

Nhận xét nào sau đây đúng với lượng mưa và cân bằng ẩm một số địa điểm trên?

- A. Huế có lượng mưa và cân bằng ẩm cao nhất, lượng mưa cao hơn TP HCM 1,4 lần.
B. Huế có lượng mưa và cân bằng ẩm cao nhất, lượng mưa cao hơn Hà Nội 1,7 lần.
 C. TP Hồ Chí Minh có lượng mưa và cân bằng ẩm thấp nhất.
 D. Huế có lượng mưa cao nhất, TP Hồ Chí Minh có lượng mưa đứng thứ 2.

Câu 30: Dựa vào bảng số liệu sau đây về diện tích rừng của nước ta qua một số năm.

(Đơn vị: triệu ha)

Năm	1943	1975	1983	2005	2010	2018
Tổng diện tích rừng	14,3	9,6	7,2	12,7	13,4	14,5
Rừng tự nhiên	14,3	9,5	6,8	10,2	10,3	10,3
Rừng trồng	0,0	0,1	0,4	2,5	3,1	4,2

Để thể hiện về diện tích rừng của nước ta, giai đoạn 1943-2018 theo bảng số liệu, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Cột đơn . B. Cột ghép. C. Cột chồng. D. Đường.

.....**HẾT**.....

Kon Tum, ngày 10 /12/2022

Duyệt của BGH

Duyệt của TCM

GV ra đề

Võ Thị Phúc

Phạm Thị Nga